

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 14-5-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
về góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều D

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Hoàng Khương;
- Ông Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST-DS ngày 08/3/2024 việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74A/2024/QĐXXST-DS ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp VT 1, xã VP, huyện VT, tỉnh K; có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Tăng Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp BT, xã VBN, huyện VT, tỉnh K; có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày: Bà là chủ hụi, bà D là hụi viên. Bà D có tham gia hai dây hụi, cụ thể:

Dây thứ nhất mở ngày 10/9/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, dây hụi có 40 chân, bà D tham gia 01 chân. Bà D đóng được 02 lần, tới lần thứ 03 bà D bỏ thăm hốt hụi, sau đó đóng hụi chết được 07 lần, sau đó không đóng nữa. Khi dây hụi mãn bà D

còn nợ bà L 30 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Dây thứ 2 mở ngày 30/5/2019 âm lịch, hội 500.000 đồng/tháng, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, dây hội có 44 chân, bà D tham gia 02 chân. Chân thứ nhất bà D đóng được 02 lần, tới lần thứ 03 bà D bỏ thăm và hốt 01 chân, chân thứ 02 đóng được 05 lần, bà D bỏ thăm và hốt với số tiền 5.500.000 đồng, chân thứ 02 bà D đóng được 32 lần với số tiền 6.000.000 đồng. Tổng dây hội này bà D còn nợ bà L 11.500.000 đồng.

Khi kết thúc các dây hội bà D có viết biên nhận nợ bà L số tiền là 41.500.000 đồng, sau đó bà D trả được 8.500.000 đồng, còn lại 33.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà D số tiền hội còn nợ là 33.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 12/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tăng Thị D trình bày: Bà thống nhất quá trình chơi 02 dây hội và số tiền còn nợ hội lại bà L tổng 02 dây hội là 33.000.000 đồng. Về phương thức trả thì do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L buộc ông Tăng Thị D trả cho bà L số tiền 33.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tăng Thị D là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà L và bà D có hợp đồng góp hội (bà L là chủ hội; bà D là hội viên), nay có tranh chấp bà L yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội*”.

[3] *Về nội dung vụ án:* Bà L là chủ hội, bà D là hội viên có tham gia 02 dây hội. Dây thứ nhất mở ngày 10/9/2019 âm lịch, hội 1.000.000 đồng/tháng, hội mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, dây hội có 40 chân, bà D tham gia 01 chân. Bà D đóng được 02 lần, tới lần thứ 03 bà D bỏ thăm hốt hội, sau đó đóng hội chết được 07 lần, sau đó không đóng nữa. Khi dây hội mãn bà D còn nợ bà L 30 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Dây thứ 2 mở ngày 30/5/2019 âm lịch, hội 500.000 đồng/tháng, mỗi tháng

khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, dây hui có 44 chân, bà D tham gia 02 chân. Chân thứ nhất bà D đóng được 02 lần, tới lần thứ 03 bà D bỏ thăm và hốt 01 chân, chân thứ 02 đóng được 05 lần, bà D bỏ thăm và hốt với số tiền 5.500.000 đồng, chân thứ 02 bà D đóng được 32 lần với số tiền 6.000.000 đồng. Tổng dây hui này bà D còn nợ bà L 11.500.000 đồng.

Khi kết thúc các dây hui bà D có viết biên nhận nợ bà L số tiền là 41.500.000 đồng, sau đó bà D trả được 8.500.000 đồng, còn lại 33.000.000 đồng đến nay chưa trả. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hui như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D thừa nhận còn nợ hui của bà L số tiền là 33.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng bà D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp các phần hui cho chủ hui theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định nên bà L yêu cầu bà D trả là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường xét lời trình bày của bà trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, yêu cầu này không được bà L đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà D trả cho bà L số tiền nợ hui là 33.000.000 đồng.

[3] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà D phải chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là: 33.000.000 đồng x 5% = 1.650.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L đối với bà Tăng Thị D. Buộc bà Tăng Thị D trả cho bà Trần Thị Kim L số tiền nợ hui là 33.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Tăng Thị D phải chịu là 1.650.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (bà Tăng Thị D) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm